TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH ĐỒNG NAI
Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2025
(Tranh chấp ly hôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn T
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành V
2. Ông Lâm M

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Quyền L– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Mai T- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 142/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1985 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)
Nơi cư trú : Tổ 1, khu phố 4, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Tổ 1, khu phố 4, phường Bình Cơ -Tp. Hồ Chí Minh)

Bị đơn : Ông Trần Hữu H, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Nơi cư trú : Ấp 7, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (nay là ấp 7, xã Lộc Hưng, tỉnh Đồng Nai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Hữu H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cũ .Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, xung đột, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được, hiện nay đã ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay.

Nay vợ chồng không thể chung sống với nhau nữa nên tôi làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu Hưng .

- Về con chung : Vợ chồng có 01 con tên Trần Trọng Trung, sinh ngày 17/10/2018, khi ly hôn bà bà bà Huế nhận nuôi con không yêu cầu ông Hưng cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra chúng tôi không nhận ai làm con nuôi, hiện nay bà Huế không có thai .

- Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung .

- Về nợ : Hiện nay vợ chồng không nợ ai, và vợ chồng cũng không cho ai vay nợ.

Bị đơn ông Trần Hữu H trình bày:

Ông Trần Hữu H đã được Toà án mời làm việc nhưng ông Hưng không đến Toà án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14 không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị H được ly hôn với ông Trần Hữu H.

+ Về con chung : Cần giao cháu con tên Trần Trọng Trung, sinh ngày 17/10/2018 cho bà Huế nuôi dưỡng, bà Huế không yêu cầu ông Hưng cấp dưỡng nuôi con cần ghi nhận.

+ Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Trương Thị H và ông Trần Hữu H không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Thị H có đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Hữu H tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy ông Trần Hữu Hưng có nơi cư trú tại Ấp 7, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (nay là ấp 7, xã Lộc Hưng, tỉnh Đồng Nai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn chưa chấp hành trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Trương Thị H và ông Trần Hữu H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cũ là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà Trương Thị H thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, xung đột, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được, hiện nay đã ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, bà Trương Thị H

xác định giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà Trương Thị H không còn thương ông Trần Hữu H nữa yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hữu H.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Trương Thị H và ông Trần Hữu H đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Trương Thị H được ly hôn với ông Trần Hữu H.

Đối với ông Trần Hữu H không chấp hành theo quy định của pháp luật là từ bỏ quyền lợi của mình.

+ Về con chung: Bà Trương Thị H và ông Trần Hữu H có 01 con tên Trần Trọng Trung, sinh ngày 17/10/2018, khi ly hôn bà Huế nhận nuôi con không yêu cầu ông Hưng cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung: Bà Trương Thị H và ông Trần Hữu H không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Trương Thị H phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng : Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228,

Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị H được ly hôn với ông Trần Hữu H.

Về con chung: Giao con tên Trần Trọng Trung, sinh ngày 17/10/2018, cho bà Huế chăm sóc và nuôi dưỡng bà Huế không yêu cầu ông Hưng cấp dưỡng nuôi .

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

Về nợ chung: Không có.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí : Bà Trương Thị H phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đồng Nai) theo biên lai thu tiền số: 0002539 ngày 05/6/2025.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u> :
-TAND tỉnh Đồng Nai
-VKS khu vực 14
- Các đương sự.
- Phòng THA khu vực 14
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn T